TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 144/2026/QĐST-DS	*Thanh Hóa, ngày 18 tháng 9 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 249/2026/TLST- DS ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T, số A T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Văn T - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thế T1 - Giám đốc T2. (Theo Giấy uỷ quyền số 03/2025/UQ - CT.HĐQT ngày 04/4/2025).

Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Kiều Quang H

Địa chỉ: số nhà C L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo Giấy uỷ quyền số 1.27/2025/UQ -OCB -THN ngày 27/01/2026).

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1972

ông Phạm Văn H1, sinh năm: 1964

Cùng nơi cư trú: thôn I, phường Q, thành phố T (nay là phường Q), tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985

ông Nguyễn Xuân H3, sinh năm: 1983

Cùng nơi cư trú: phố B, phường Q, thành phố T (nay là phường Q), tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về tổng số tiền còn nợ: Tính đến hết ngày 09/9/2026, ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị X còn nợ Ngân hàng TMCP P theo Hợp đồng tín dụng số ST24009286/2024/PQT/HĐTD ngày 21/03/2024; kèm theo khế ước nhận nợ số ST24009286/2024/PQT/KUNN ngày 21/03/2024 tổng số tiền là 1.183.310.147 đồng, trong đó: Nợ gốc trong hạn là: 1.043.225.000 đồng, Nợ gốc quá hạn là: 69.021.589 đồng; Nợ lãi trong hạn là 66.196.114 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 4.867.444 đồng.

* Về phương án trả nợ: ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị X trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP P chậm nhất vào ngày 30/9/2026.

Kể từ ngày 10/9/2026 ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị X còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Trường hợp ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị X vi phạm cam kết trả nợ theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P là: Quyền sử dụng đất của bên thế chấp theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 388989 vào sổ số CH-00809 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 22/6/2012, cụ thể: thửa đất số: 523-2, tờ bản đồ số: 4. Địa chỉ: phố B, phường Q, thành phố T (nay là phường Q), tỉnh Thanh Hóa người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền trên đất là ông Nguyễn Xuân H3.

Trường hợp sau khi kê biên tài sản bảo đảm không đủ trả khoản nợ nêu trên thì ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị X vẫn phải tiếp tục trả nợ cho ngân hàng P cho đến khi hết nghĩa vụ trả nợ.

* Về án phí: ông Phạm Văn H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn phần án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Phạm Văn H1.

Bà Nguyễn Thị X chịu 1/2 án phí Dân sự sơ thẩm là 11.874.800 đồng (Làm tròn số:11.745.000 đồng).

Ngân hàng TMCP P được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 23.812.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001437 ngày 02/3/2026 Ngân hàng đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,8 và 36 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND KV 1- Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Anh